

Bản án số: **39** /2018/HS-ST
Ngày: 07 - 11 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thanh.

2. Bà Hoàng Thị Tư Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Trần Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2018/TLST-HS ngày 25 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Hoàng Công TR, sinh ngày 27/9/1985 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: số 4/69 ĐT, phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn S, sinh năm 1961 và bà Trần Thị P, sinh năm 1961 (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/9/2016, có mặt.

2. Lê Ngọc Duy Th (tên gọi khác: Út); sinh ngày 16/12/1985 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Số 18 NH, phường TH, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc B, sinh năm 1956 (đã chết) và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1957; vợ là Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1987 (đã ly hôn); con: Lê Nguyễn Phúc Q, sinh năm 2006; tiền án: có 01 tiền án;

Nhân thân: Nhỏ sống với bố mẹ tại địa phương và đi học. Ngày 25/02/2002, bị Công an thành phố H xử phạt 50.000 đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng. Tháng 6/2011, bị Công an thành phố Huế xử phạt 600.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 07/3/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”(Bản án số 10/2012/HSST). Ngày 05/9/2016, bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa

Thiên Huế khởi tố về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và ngày 14/5/2018 bị khởi tố bổ sung về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/9/2016, có mặt.

** Người bào chữa (theo chỉ định) cho bị cáo Lê Ngọc Duy Th:*

Bà Tôn Nữ Thái B – Luật sư của Văn phòng luật sư Trần Công Tư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: 22B Lê Lợi, thành phố H. Có mặt.

** Các bị hại:*

- Công ty TNHH thương mại dịch vụ TV.

Địa chỉ: 187 HV, phường AC, thành phố H.

Người Đ diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành Tr – Giám đốc Công ty; Nơi cư trú: Số 105 NL, phường TT, thành phố H. Có mặt.

- Ông Hồ Văn M, sinh ngày 14/10/1971. Nơi cư trú: Thôn LT, xã PT, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Hà Thị Q (Y), sinh ngày 26/5/1975. Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, phường HC, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Ông Lữ Mạnh H, sinh ngày 20/10/1974. Nơi cư trú: Số 76 TCV, phường TT, quận TK, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Ông Hoàng Văn S, sinh ngày 20/02/1961. Nơi cư trú: Thôn TB, xã BT, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1957. Nơi cư trú: 18 NH, phường TH, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

** Người làm chứng:*

- Anh Nguyễn Thành P, sinh năm 1983; Nơi ĐKNKTT: 425 CL, phường PH, thành phố H. Nơi cư trú: Số 4, kiệt 69 ĐT, phường AH, thành phố H. Có đơn xin vắng mặt.

- Chị Trần Thị My N, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Thôn 11, xã QC, huyện QĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị My L, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Số 3 ĐBL, phường TH, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Anh Hoàng Anh Ph (cu Đen), sinh năm 1997. Nơi cư trú: Tổ dân phố 6, phường TH, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Anh Tôn Thất Thái H, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Số 291 THL, phường PH, thành phố H. Có mặt.

- Anh Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Số 91 NCT, phường PH, thành phố H. Vắng mặt.

- Anh Võ Văn P, sinh năm 1974. Nơi cư trú: 200 LTT, phường HA, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Anh Trần Viết Hữu H, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Số 27/3 HN, phường PN, thành phố H. Có mặt.

- Anh Trần Hữu Q, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, phường HC, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Công TR và Lê Ngọc Duy Th do có quen biết nhau từ trước nên đã bàn bạc, thống nhất cùng nhau góp vốn làm ăn, lợi nhuận chia đều cho hai người. Để tạo uy tín trong quá trình làm ăn, TR và Th đã thuê xe ô tô tự lái để làm phương tiện đi lại và giao dịch với khách hàng. Tuy nhiên, sau khi thuê được xe, TR và Th đã làm giấy đăng ký xe ô tô giả đưa đi cầm cố cho người khác để lấy tiền sử dụng cá nhân, cụ thể:

Ngày 02/4/2016, Hoàng Công TR nhờ bạn là anh Nguyễn Thành P đứng tên trên hợp đồng thuê xe ô tô tự lái biển kiểm soát 75A - 031.77 của DNTN NH, thời gian thuê 30 ngày với giá thuê là 18.000.000 đồng/tháng (đặt cọc trước 3.000.000 đồng). Sau khi thuê được xe, anh P đã giao lại xe ô tô này cho Hoàng Công TR. Ngày 03/4/2016, TR bàn bạc với Th về việc làm giả giấy đăng ký đối với xe ô tô 75A - 031.77 để đưa đi cầm cố lấy tiền tiêu xài thì Th đồng ý. Sau đó, TR vào mạng xã hội Facebook liên lạc với tài khoản “làm giấy tờ giả” rồi thỏa thuận cách thức, giá cả làm một giấy đăng ký xe ô tô giả với số tiền 4.000.000 đồng. TR lấy thông tin về ngày, tháng, năm sinh, họ tên, địa chỉ của Lê Ngọc Duy Th, chụp ảnh chữ ký có đóng dấu, tên ông Phạm Văn Thái - Trưởng phòng CSGT đường bộ - đường sắt tỉnh Thừa Thiên Huế rồi cung cấp cho đối tượng làm giấy đăng ký xe ô tô giả biết. Chiều ngày 04/4/2016, đối tượng làm giả giấy đăng ký xe ô tô liên lạc và giao giấy đăng ký xe ô tô 75A - 031.77 (giấy giả) mang tên Lê Ngọc Duy Th cho TR. Khoảng 19 giờ ngày 04/4/2016, TR và Th đến phường HC, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế cầm cố xe ô tô 75A - 031.77 cho bà Hà Thị Q. Th viết giấy mượn tiền và nhận của bà Q 250.000.000 đồng, bà Q giữ lại xe và giấy đăng xe ô tô 75A - 031.77 (giả) mang tên Lê Ngọc Duy Th. Số tiền này TR sử dụng riêng 75.330.000 đồng, Th sử dụng riêng 5.000.000 đồng, còn lại 169.670.000 đồng thì cả hai sử dụng chung.

Tiếp đó, ngày 14/4/2016, sau khi Lê Ngọc Duy Th thuê được xe ô tô biển kiểm soát 75A - 020.89 của Công ty TNHH thương mại dịch vụ TV (trụ sở đóng tại thành phố H) thì Th đã đưa xe ô tô này đến cầm cố cho bà Hà Thị Q nhưng bà Q từ chối cầm cố do không có giấy đăng ký xe ô tô chính chủ. Tuy nhiên, bà Q cho Th lấy thêm số tiền 130.000.000 đồng đối với chiếc xe ô tô 75A - 031.77 đã cầm cố trước đó. Th đã sử dụng riêng 20.000.000 đồng và cho Lý (bạn của Th) mượn 110.000.000 đồng. Sau đó, Th có nói cho TR biết, TR đồng ý và xem đây là việc làm ăn chung của hai người.

Như vậy, TR và Th đã cầm cố chiếc xe ô tô 75A - 031.77 cho bà Hà Thị Q và hai lần lấy tổng số tiền là 380.000.000 đồng. Số tiền này, cả hai đã sử dụng vào việc cho vay, trả nợ chung và tiêu xài cá nhân hết.

Sáng ngày 27/4/2016, anh Nguyễn Thành Tr (là Giám đốc Công ty TNHH thương mại dịch vụ TV) cùng với các nhân viên là anh Tôn Thất Thái H và Phạm Ngọc Đ đến nơi ở của Th tại phường Tứ Hạ, thị xã HT. Lúc này, ngoài Th ra còn có Hoàng Công TR, Hoàng Anh Ph (bạn của Th) cũng ở đây. Anh Trung đề nghị Th Th toán tiền thuê và trả lại xe ô tô 75A - 020.89 mà Th đã thuê ngày 14/4/2016 cho Công ty để tiến hành bảo dưỡng nhưng Th nói: “Th đang cần xe để đi lại làm ăn”, thì anh Tr nói: “nếu Th cần xe thì đổi xe khác”.

Đến khoảng 14 giờ ngày 27/4/2016, Th đưa số tiền 3.000.000 đồng cùng chìa khóa xe cho Hoàng Công TR để TR đưa xe ô tô 75A - 020.89 vào trả cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ TV. Sau khi trả xe ô tô 75A - 020.89, TR đã sử dụng giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và hợp đồng thuê xe do Th ký với Công ty TNHH thương mại dịch vụ TV ngày 14/4/2016 để thuê xe ô tô 75A - 035.23. Do buổi sáng có thỏa thuận với Th về việc đổi xe nên anh Nguyễn Thành Tr đồng ý giao xe ô tô 75A - 035.23 cho TR. Sau khi thuê được xe, Trường giao xe ô tô 75A - 035.23 cho Th để cùng sử dụng chung.

Ngày 30/4/2016, TR nói với Th làm giấy tờ giả để cầm cố xe ô tô 75A - 035.23 thì Th không có ý kiến gì nên TR đã vào mạng xã hội Facebook liên hệ với tài khoản “làm giấy tờ giả” trước đây TR đã thuê làm giấy đăng ký xe ô tô 75A - 031.77 giả, để thuê làm giả giấy đăng ký xe ô tô 75A - 035.23 mang tên Hoàng Công TR. Khoảng 16 giờ ngày 02/5/2016, thì đối tượng “làm giấy tờ giả” được TR thuê đã giao giấy đăng ký xe ô tô 75A - 035.23 giả cho TR, sau đó TR đã nói cho Th biết.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 03/5/2016, TR rủ Th vào Đà Nẵng để cầm xe 75A - 035.23 nhưng do Th mệt nên không đi. Do đó, TR điều khiển xe ô tô 75A - 035.23 chở chị Trần Thị My N vào Đà Nẵng để cầm xe ô tô 75A - 035.23 cho ông Lữ Mạnh H (chủ hiệu cầm đồ Kim Linh) lấy số tiền 300.000.000 đồng. Sau khi cầm xe ô tô 75A - 035.23, TR đón xe taxi ra Huế và báo cho Th biết việc cầm xe. Số tiền 300.000.000 đồng, TR khai đã sử dụng chung với Th hết số tiền nêu trên, nhưng khi đối chất Th chỉ thừa nhận sử dụng chung cùng với TR 54.800.000 đồng và có mượn 21.500.000 đồng để sử dụng riêng nhưng đã trả lại cho TR.

Hết thời hạn cho thuê xe nhưng không thấy Hoàng Công TR và Lê Ngọc Duy Th trả xe, nên ông Hồ Văn M và anh Nguyễn Thành Tr đã viết đơn tố cáo gửi đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 217/KL-HĐĐG ngày 12/7/2016 và số 224/KL-HĐĐG ngày 25/7/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố H kết luận xe ô tô 75A - 031.77 có giá trị 450.000.000 đồng và xe ô tô 75A - 035.23 có giá trị 420.000.000 đồng.

Đối với anh Nguyễn Thành P là người đứng tên trên hợp đồng thuê xe 75A - 031.77 để thuê xe giúp cho Hoàng Công TR, P không biết việc TR làm giả giấy đăng

ký xe 75A - 031.77 rồi đem đi cầm cố cho người khác lấy tiền tiêu xài cá nhân, nên P không đồng phạm với TR.

- Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

+ 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 75A – 035.23 mang tên Hoàng Công TR;

+ 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Ngọc Duy Th;

+ 01 Sổ hộ khẩu số 1928 có chủ hộ là Nguyễn Thị K;

+ 01 Sổ hộ khẩu số 580095712 có chủ hộ là Hoàng Văn S;

+ 01 Hộ chiếu số B5942493 mang tên Hoàng Công TR.

Tại bản kết luận giám định số 31/GĐ ngày 14/02/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 75A – 035.23 mang tên Hoàng Công TR do Trung tá Võ Hồng Quang – Trưởng phòng cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt tỉnh Thừa Thiên Huế ký ngày 19/11/2015 là giả. Đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 75A – 031.77 giả, bà Hà Thị Q đã làm thất lạc nên không trưng cầu giám định được.

Ngày 05/9/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe ô tô biển kiểm soát 75A - 031.77 cho ông Hồ Văn M và xe ô tô biển kiểm soát 75A - 035.23 cho anh Nguyễn Thành Tr. Ông Hồ Văn M và anh Nguyễn Thành Tr đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì thêm.

- Về trách nhiệm dân sự:

Ông Hoàng Văn S là bố của Hoàng Công TR đã bồi thường số tiền 300.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị K đã bồi thường số tiền 110.000.000 đồng cho bà Hà Thị Q, bà Q đã nhận tổng cộng 410.000.000 nên không có yêu cầu gì thêm.

Ông Lữ Mạnh H yêu cầu Hoàng Công TR phải trả lại 300.000.000 đồng tiền cầm xe ô tô 75A - 035.23. Hiện Hoàng Công TR và Lê Ngọc Duy Th chưa bồi thường khoản tiền này.

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKS-P3 ngày 24/9/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố các bị cáo Hoàng Công TR và Lê Ngọc Duy Th về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, khoản 2 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt:

Bị cáo Hoàng Công TR từ 8 năm đến 9 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; từ 3 năm đến 4 năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung từ 11 năm đến 13 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 14/9/2016.

Áp dụng khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, khoản 2 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt:

Bị cáo Lê Ngọc Duy Th từ 12 năm đến 13 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; từ 2 năm đến 3 năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung từ 14 năm đến 16 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 12/9/2016.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Hoàng Công TR và Lê Ngọc Duy Th phải liên đới bồi thường cho ông Lữ Mạnh H số tiền 300.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và sổ hộ chiếu cho các chủ sở hữu; Tịch thu tiêu hủy 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, biển kiểm soát 75A – 035.23 mang tên Hoàng Công TR.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Hoàng Công TR đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Ngọc Duy Th trình bày:

Đối với xe ô tô 75A - 035.23 của Công ty TNHH thương mại dịch vụ TV thì do TR thuê và tự làm giấy tờ giả rồi đi cầm cố, bị cáo Th không liên quan vì Th chỉ biết được sự việc sau khi TR đã cầm cố xe ô tô 75A - 035.23 và đem số tiền 300.000.000 đồng về. Sau đó, Th có chi tiêu chung cùng với TR số tiền 54.800.000 đồng và mượn của TR 21.500.000 đồng để sử dụng riêng nhưng đã trả lại.

Bị cáo Lê Ngọc Duy Th đồng ý với quan điểm bào chữa của luật sư, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như ý kiến của người bào chữa và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Xét về quá trình thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo, thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Công TR đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng. Bị cáo Lê Ngọc Duy Th chỉ khai nhận có hợp tác làm ăn chung với TR, lời lãi chia đôi nhưng tiền thì do TR quản lý và ghi sổ sách. Vì thiếu vốn làm ăn nên Th đã đồng ý để TR thuê người làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 75A - 031.77 (xe thuê của ông Hồ Văn M – Chủ DNTN Nhất Hồ). Sau khi có giấy tờ giả đứng tên Lê Ngọc Duy Th, TR và Th đã cầm chiếc xe ô tô 75A - 031.77 cho bà Hà Thị Q để lấy hai lần với tổng số tiền 380.000.000 đồng, rồi cả hai đã sử dụng vào việc làm ăn, trả nợ và chi tiêu chung. Do đó, bị cáo phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan tổ chức đối với việc làm giả giấy tờ và cầm cố xe ô tô 75A - 031.77. Đối với xe ô tô 75A - 035.23 của Công ty TNHH thương mại dịch vụ TV thì do TR thuê và tự làm giấy tờ giả rồi đi cầm cố, bị cáo không liên quan vì bị cáo chỉ biết được sự việc sau khi TR đã cầm cố xe ô tô 75A - 035.23 và đem số tiền 300.000.000 đồng về. Sau đó, bị cáo có chi tiêu chung cùng với TR số tiền 54.800.000 đồng và mượn của TR 21.500.000 đồng để sử dụng riêng nhưng đã trả lại.

Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thu thập được trong quá trình điều tra, cụ thể là tại cuốn sổ ghi chép quá trình kinh doanh, thu chi số tiền 380.000.000 đồng sau khi cầm cố xe ô tô 75A - 031.77 và số tiền 300.000.000 đồng sau khi cầm cố xe ô tô 75A - 035.23. Trong khoảng thời gian từ ngày 04/4/2016 đến ngày 25/6/2016, tại trang cuối cùng phân thu và chi tiêu chung ở cuốn sổ này, Th có ghi danh sách khách mời, thể hiện Th và TR cùng chi phí, sử dụng chung số tiền cầm cố hai xe ô tô này. Ngoài ra, căn cứ vào lời khai của bị hại là anh Nguyễn Thành Tr, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hà Thị Q, lời trình bày của những người làm chứng là chị Nguyễn Thị My L, anh Hoàng Anh Ph, chị Trần Thị My N và của các bị cáo thì có cơ sở xác định: Sau khi bị cáo Th thuê xe ô tô 75A - 020.89 của Công ty TNHH thương mại dịch vụ TV thì có đưa đến cầm cố cho bà Hà Thị Q nhưng do không có giấy tờ chính chủ nên không cầm cố được. Khi Đ diện của Công ty TNHH thương mại dịch vụ TV là anh Nguyễn Thành Tr đề nghị Th trả xe ô tô 75A - 020.89 để Công ty bảo dưỡng định kỳ thì Th đề nghị anh Trung cho đổi xe khác để làm ăn và được anh Trung đồng ý. Do đó, việc bị cáo TR đổi xe ô tô 75A - 020.89 để thuê lại xe ô tô 75A - 035.23 của Công ty TNHH thương mại dịch vụ TV là có sự đồng ý của bị cáo Th. Sau khi đổi lấy xe ô tô 75A - 035.23, cả TR và Th sử dụng xe này từ ngày 27/4/2016 đến ngày 03/5/2016. Đồng thời, Th cũng biết được việc TR làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 75A - 035.23 và vào Đà Nẵng cầm cố để lấy số tiền 300.000.000 đồng rồi sau đó cả hai cùng sử dụng, tiêu xài số tiền này.

Mặc dù bị cáo không thừa nhận đã bàn bạc với TR làm giả 02 giấy đăng ký xe ô tô 75A - 03177 và 75A - 035.23, tuy nhiên bị cáo đã cùng với TR dùng giấy đăng ký xe ô tô 75A - 03177 giả để lừa dối, cầm cố xe cho bà Hà Thị Q, cũng như đã tiếp thu ý chí, đồng ý với TR về việc sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 75A - 035.23 giả để lừa dối, cầm cố xe cho anh Lữ Mạnh H. Vì vậy, hành vi của Th là đồng phạm với TR về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức của cả 2 xe ô tô nêu trên.

Như vậy, có căn cứ kết luận: Trong quá trình làm ăn chung với nhau, nhằm tạo uy tín với khách hàng, Hoàng Công TR và Lê Ngọc Duy Th đã thống nhất cùng nhau thuê xe tự lái của DNTN Nhất Hồ và của Công ty TNHH thương mại dịch vụ TV để làm phương tiện đi lại. Tuy nhiên, sau khi thuê được xe thì các bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, thuê người làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô để cầm cố cho người khác lấy tiền làm ăn và tiêu xài chung. Qua định giá xác định, giá trị hai xe ô tô mà TR và Th đã chiếm đoạt là 870.000.000 đồng (Tám trăm bảy mươi triệu đồng). Hành vi này của Hoàng Công TR và Lê Ngọc Duy Th đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Ngoài ra, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô thì chỉ có cơ quan nhà nước có thẩm quyền được Nhà nước quy định mới được quyền cấp cho tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, chỉ vì muốn đạt được mục đích chiếm đoạt tài sản đã thuê của người khác, các bị cáo đã tìm kiếm, liên hệ với đối tượng làm giả để làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 75A – 031.77 và xe ô tô 75A – 035.23 nhằm thuận lợi trong việc cầm cố để chiếm đoạt. Hành vi này của bị cáo đã phạm vào tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Do đó, cáo trạng số 23/CT-VKS-P3 ngày 24/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố các bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì mức hình phạt cao nhất là 20 năm, trong khi mức hình phạt cao nhất quy định tại khoản 4 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là chung thân. Do đó, áp dụng khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 về việc thực hiện theo hướng có lợi cho các bị cáo, cần áp dụng khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử các bị cáo.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo Hoàng Công TR và Lê Ngọc Duy Th đều là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có trình độ văn hóa đủ để nhận thức được việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự. Tuy nhiên, do bản tính lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nhưng không phải bỏ công sức lao động chân chính, các bị cáo đã bất chấp pháp luật để cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo Hoàng Công TR và Lê Ngọc Duy Th là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần phải có một hình phạt đủ nghiêm khắc để trừng trị, răn đe và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, không có tính tổ chức. Trong vụ án này, bị cáo Hoàng Công TR là người khởi xướng, vừa là người thực hành tích cực; đã trực tiếp tìm kiếm, liên lạc với đối tượng làm giấy tờ giả trên mạng xã hội để làm giả 02 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc cầm cố, chiếm đoạt tài sản nên phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án.

Bị cáo Lê Ngọc Duy Th là người giúp sức tích cực, đã đưa giấy tờ cá nhân để bị cáo TR làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 75A – 031.77 và cùng TR sử dụng, tiêu xài số tiền đã chiếm đoạt nên phải chịu trách nhiệm tương đương với bị cáo TR.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Hoàng Công TR chưa có tiền án, tiền sự là thuộc TR hợp có nhân thân tốt. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo TR có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường phần lớn thiệt hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ răn đe và phòng ngừa.

Bị cáo Lê Ngọc Duy Th có nhân thân xấu, đã 01 lần bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng chưa được xóa án tích nhưng lại cố ý phạm tội đặc biệt nghiêm trọng là thuộc TR hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tuy nhiên, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại và đầu thú được quy định tại các điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa hôm nay, ông Hồ Văn M – Chủ DNTN Nhất Hồ và anh Nguyễn Thành Tr – Giám đốc Công ty TNHH thương mại dịch vụ TV đã nhận lại các xe ô tô và không ai có yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình điều tra, ông Hoàng Văn S là bố bị cáo Hoàng Công TR đã bồi thường cho bà Q số tiền 300.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị K là mẹ bị cáo Lê Ngọc Duy Th đã bồi thường cho bà Q số tiền 110.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, bà Hà Thị Q thừa nhận đã nhận đủ tiền nên không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với ông Lữ Mạnh H chưa được các bị cáo bồi thường nên ông H yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 300.000.000 đồng cho ông.

Các bị cáo đã cầm cố xe đã thuê để lấy của bà Hà Thị Q 410.000.000 đồng, của ông Lữ Mạnh H 300.000.000 đồng, tổng cộng 710.000.000 đồng. Đây là khoản tiền các bị cáo đã chiếm đoạt và sử dụng chung với nhau nên phải liên đới bồi thường theo phần ngang nhau, mỗi bị cáo phải chịu 355.000.000 đồng. Phía gia đình bị cáo Hoàng Công TR đã bồi thường 300.000.000 đồng nên cần buộc bị cáo Hoàng Công TR phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Lữ Mạnh H số tiền 55.000.000 đồng.

Phía gia đình bị cáo Lê Ngọc Duy Th đã bồi thường 110.000.000 đồng nên cần buộc bị cáo Lê Ngọc Duy Th phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Lữ Mạnh H số tiền 245.000.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Trả lại giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và sổ hộ chiếu cho các chủ sở hữu;
- Tịch thu tiêu hủy 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, biển kiểm soát 75A – 035.23 mang tên Hoàng Công TR.

[7] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo Hoàng Công TR và Lê Ngọc Duy Th phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Hoàng Công TR và Lê Ngọc Duy Th phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức.

2. Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015;

Áp dụng khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, khoản 2 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: bị cáo Hoàng Công TR 11 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; 2 năm 6 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của 2 tội là 13 năm 6 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 14/9/2016.

Áp dụng khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, khoản 2 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc Duy Th 12 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; 2 năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của 2 tội là 14 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 12/9/2016.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Hoàng Công TR và bị cáo Lê Ngọc Duy Th phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Lữ Mạnh H số tiền 300.000.000 đồng, theo phần bị cáo Hoàng Công TR 55.000.000 đồng, bị cáo Lê Ngọc Duy Th 245.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chưa thi hành các khoản tiền nói trên thì hàng tháng bên phải thi hành án

còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm, nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

TR hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Trả lại 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Ngọc Duy Th cho bị cáo Th;

+ Trả lại 01 Sổ hộ khẩu số 1928 có chủ hộ là Nguyễn Thị K cho bà Kim;

+ Trả lại 01 Sổ hộ khẩu số 580095712 có chủ hộ là Hoàng Văn S cho ông Sa;

+ Trả lại 01 Hộ chiếu số B5942493 mang tên Hoàng Công TR cho bị cáo TR.

- Tịch thu tiêu hủy 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, biển kiểm soát 75A – 035.23 mang tên Hoàng Công TR.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Hoàng Công TR và Lê Ngọc Duy Th, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

- Về án phí dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Công TR phải chịu 2.750.000 đồng. Buộc bị cáo Lê Ngọc Duy Th phải chịu 12.250.000 đồng.

Bị cáo, các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- Vụ GDKT I TANDTC;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Phòng PV27 CA tỉnh;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Sở Tư pháp;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Lưu HSVA, THS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Lộc